TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-PT
Ngày: 22 - 4 - 2020
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự-hụi*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Luông
Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải
Ông Nguyễn Đình Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Trần Vũ Tính- Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự - hụi*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 151/2019/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2020/QĐPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm: 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị X là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/10/2018 quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L trình bày: Vào ngày 05/4/2016 (âl) bà Nguyễn Thị X có tham gia dây hụi 1.000.000 đồng/tháng do bà làm chủ, dây hụi gồm có 21 phần, bà X tham gia 03 phần. Cụ thể:

Phần 01: Vào ngày 15/5/2016 bà X kêu 380.000 đồng hốt hụi với số tiền 10.554.000 đồng, sau khi hốt hụi bà X đóng hụi chết được 06 lần, còn nợ 15 lần hụi chết số tiền 15.000.000 đồng.

Phần 02: Bà X đóng hụi sống được 03 lần đến ngày 15/7/2016 bà X kêu 395.000 đồng hốt hụi với số tiền 11.180.000 đồng, sau khi hốt hụi bà X đóng hụi chết được 03 lần, còn nợ 15 lần hụi chết số tiền 15.000.000 đồng.

Phần 03: Bà X đóng được 05 lần hụi sống đến lần thứ 6 ngày 15/9/2016 bà X kêu 420.000 đồng hốt hụi với số tiền 11.700.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà X không có đóng lại hụi chết và còn nợ lại 15 lần hụi chết với số tiền 15.000.000 đồng. Cùng ngày 15/9/2016 bà X có ký biên nhận nợ cho bà, nội dung biên nhận do bà viết, bà X ký tên xác nhận. Qua đó bà X còn nợ bà 45.000.000 đồng hụi chết và bà X hứa mỗi tháng đóng cho bà 3.000.000 đồng cho đến khi mãn hụi.

Hiện dây hụi đã mãn, nhưng bà X không đóng hụi chết cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị X trả cho bà số tiền còn nợ là 45.000.000 đồng theo biên nhận nợ đã ký.

Tại văn bản ngày 25/12/2018, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Thừa nhận có tham gia dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, hụi mở ngày 05/4/2016 (âl) do bà L làm chủ, dây hụi gồm có 21 phần, bà tham gia 03 phần và đã hốt 03 phần như bà L trình bày là đúng. Tuy nhiên bà chỉ còn nợ lại hụi chết của bà L tính đến khi mãn hụi là 8.480.000 đồng. Năm 2015 bà có đưa cho bà L số tiền tổng cộng là 12.100.000 đồng hùn với bà L để tham gia mua hàng của công ty đa cấp nhưng bà L không mua hàng cho bà, bà không biết tên công ty gì, ở đâu, việc đưa tiền là bà đưa trực tiếp cho bà L nên bà không yêu cầu xem xét đối với công ty. Như vậy tính ra số tiền mà bà đã đưa cho bà L so với số tiền nợ hụi thì bà L còn nợ lại bà nhưng bà không yêu cầu bà L trả lại số tiền dư. Do đó, bà không đồng ý theo yêu cầu của bà L. Bà xác định không có ký tên vào biên nhận ngày 15/9/2016 mà bà L đã cung cấp trong vụ kiện.

Tại văn bản ngày 21/5/2019 người làm chứng ông Võ Văn S, Trần Minh L trình bày: Vào khoảng năm 2017 ông S giữ chức vụ Phó trưởng Ấp A, xã B, thị xã C và ông Trần Minh L là tổ trưởng tổ hòa giải Ấp A, xã B, thị xã C. Ông S, ông L có tham gia hòa giải việc tranh chấp tiền hụi giữa bà L và bà X. Quá trình hòa giải bà X trình bày bà có đưa tiền cho bà L để tham gia mua hàng đa cấp do bà L làm phó phòng, số tiền bà X mua hàng tương đương với số tiền hụi bà X nợ bà L nên bà X yêu cầu trừ ngang nhưng bà L không đồng ý nên hòa giải không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 151/2019/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L số tiền hụi còn nợ là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, bị đơn bà Nguyễn Thị X kháng cáo bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm và trưng cầu giám định chữ ký của bà X trên giấy nhận nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án cấp phúc thẩm đã tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng dân sự - hụi" là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị X kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị X, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L và bị đơn bà Nguyễn Thị X cùng thừa nhận vào ngày 05/4/2016 âm lịch bà L có mở dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, dây hụi có 21 phần trong đó bà X tham gia 03 phần và đã hốt hết 03 phần vào các ngày 15/5/2016, 15/7/2016, 15/9/2016. Như vậy, căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự có cơ sở để xác định việc bà X có tham gia chơi hụi của bà L là sự thật.

[3.2] Bà L cho rằng sau khi bà X hốt hụi lần cuối là ngày 15/9/2016 thì bà L có viết biên nhận và bà X có ký tên vào biên nhận với nội dung bà X còn nợ bà L 15 lần hụi chết x 03 phần với số tiền là 45.000.000 đồng, bà X hứa mỗi tháng đóng 3.000.000 đồng tiền hụi chết. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L khẳng định chữ ký trong biên nhận nợ là do bà X ký, còn bà X không thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ là của bà. Tại kết luận giám định số 36/C09-P5 ngày 28/02/2020 của Viện khoa học hình sự kết luận "Chữ ký X dưới mục Người hốt hụi trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Nguyễn Thị X trên các

mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M20 không phải do cùng một người ký ra". Như vậy, chứng cứ khởi kiện của nguyên đơn là biên nhận ngày 15/9/2016 âm lịch do nguyên đơn cung cấp không đủ cơ sở để xác định việc bà X còn nợ nguyên đơn 45.000.000 đồng tiền hụi chết. Tại phiên tòa, bà L không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà.

Đồng thời, bà L trình bày sau khi hốt hụi xong lần cuối ngày 15/9/2016 âm lịch thì bà L viết biên nhận và bà X có ký tên vào biên nhận với nội dung bà X còn nợ bà L 15 lần hụi chết x 03 phần với số tiền 45.000.000 đồng, bà X hứa mỗi tháng đóng 3.000.000 đồng tiền hụi chết. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2018 (Bút lục số 01) bà L khai ngày 15/9/2016 âm lịch bà X có hốt 01 phần hụi sống và đóng 02 phần hụi chết; Đến ngày 15/10/2016 âm lịch thì bà L có đến nhà bà X lấy tiền hụi nhưng bà X không đóng, như vậy lời khai của bà L là có sự mâu thuẫn. Bởi vì, ngày 15/9/2016 âm lịch thì bà X chỉ mới hốt hụi lần cuối, chưa vi phạm nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà L mà bà L đã lập biên nhận nợ đối với tổng số tiền hụi chết bà X còn phải đóng. Hai đương sự hợp đồng chơi hụi nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh bị đơn kêu hốt hụi giá bao nhiêu, việc giao nhận tiền hụi đã hốt và đóng hụi chết để làm cơ sở cho việc xem xét. Hơn nữa, nguyên đơn cho rằng bị đơn ký nhận nợ hụi nhưng qua giám định không phải chữ ký của bị đơn. Tuy nhiên, bà X thừa nhận bà còn nợ bà L số tiền 8.480.000 đồng tiền hụi chết. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào sự thừa nhận của bà X để buộc bà X có nghĩa vụ thanh toán số tiền hụi chết còn nợ bà L là 8.480.000 đồng.

[3.3] Đối với số tiền 12.100.000 đồng, bà X cho rằng bà hùn với bà L để tham gia mua hàng của công ty đa cấp. Bà X xác định không yêu cầu giải quyết với công ty đa cấp vì tiền bà đưa cho bà L chứ không có giao dịch với công ty, bà cũng không biết công ty tên gì, ở đâu. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X không có yêu cầu xem xét đối với số tiền 12.100.000 đồng trong vụ án này nên cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị Bích L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về chi phí giám định là 5.079.601 đồng, bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 148 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị X.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 151/2019/DS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L số tiền hụi còn nợ là 8.480.000 đồng (Tám triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Bích L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị X phải chịu là 424.000 đồng (Bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu 1.826.000 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0019334 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí. Bà L phải nộp thêm số tiền 701.000 đồng (Bảy trăm lẻ một nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Bà Nguyễn Thị X được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0000551 ngày 04/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

6. Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị Bích L phải nộp 5.079.601 đồng (Năm triệu không trăm bảy mươi chín nghìn sáu trăm lẻ một đồng) để hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị X đã nộp tạm ứng trước.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 22/4/2020.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TX. C;
- Chi cục THADS TX. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Văn Luông